

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 48 /2011/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 30 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 49/2010/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành mức thu học phí các trường công lập trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

Căn cứ Thông tư số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT BXH ngày 15/11/2010 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Tài chính-Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2010/NQ-HĐND ngày 16/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 15 về học phí các trường công lập trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Nghị quyết số 41/2011/NQ-HĐND ngày 05/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 3 về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 28/2010/NQ-HĐND ngày 16/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 15 về học phí các trường công lập trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Liên ngành: Sở Giáo dục và Đào tạo-Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2, 3 của Điều 1, Quyết định số 49/2010/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành mức thu học phí các trường công lập trên địa bàn tỉnh Kon Tum, cụ thể:

“1. Mức thu học phí các trường mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Kon Tum phân theo các vùng như sau:

Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng

STT	Cơ sở giáo dục công lập	Mức thu học phí		
		Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Mầm non	30.000	25.000	20.000
2	Trung học cơ sở	20.000	18.000	15.000
3	Trung học phổ thông	30.000	25.000	20.000

- Vùng 1: Gồm 6 phường Quyết Thắng, Thắng Lợi, Thống Nhất, Quang Trung, Duy Tân, Trường Chinh của thành phố Kon Tum.

- Vùng 2: Gồm 4 phường Ngô Mây, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi của thành phố Kon Tum và 6 thị trấn của 6 huyện Đăk Hà, Đăk Tô, Ngọc Hồi, Đăk Glei, Sa Thầy, Kon Rẫy.

- Vùng 3: Gồm các xã còn lại.

2. Thời gian áp dụng mức thu học phí: Từ học kỳ II năm học 2010-2011 (tháng 01 năm 2011). Đối tượng thuộc diện thu học phí tại các địa bàn thuộc vùng 2, vùng 3 thực hiện thu từ ngày 01/01/2012.

3. Đối tượng miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP của Chính phủ (*Có danh mục các xã biên giới, vùng cao và các xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn kèm theo*). Ngoài ra, thực hiện miễn học phí đối với tất cả học sinh dân tộc thiểu số đang học mầm non và phổ thông công lập thuộc diện phải đóng học phí. Ngân sách tỉnh cấp bù cho các cơ sở giáo dục phần học phí được miễn đối với học sinh dân tộc thiểu số thuộc diện phải đóng học phí.”

Điều 2. Bãi bỏ Quyết định số 04/2011/QĐ-UBND ngày 23/2/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định số 49/2010/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành mức thu học phí các trường công lập trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị có liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
 Đã ký
Lê Thị Kim Đơn

**DANH MỤC CÁC XÃ VÙNG CAO, XÃ BIÊN GIỚI, XÃ CÓ ĐIỀU
KIỆN KINH TẾ XÃ HỘI ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN**

*(Kèm theo Quyết định số 48 /2011/QĐ-UBND ngày 31/12/2011
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

STT	Tên huyện, thành phố	Địa bàn miền thu học phí	Xã biên giới	Xã Vùng cao	Xã đặc biệt khó khăn
	TỔNG CỘNG	81			
I	Thành phố Kon Tum	11			
1	Xã Kroong	X		QĐ 42/1997/UBNDT	
2	Hòa Bình	X		QĐ 42/1997/UBNDT	
3	Đoàn Kết	X		QĐ 42/1997/UBNDT	
4	IA Chim	X		QĐ 42/1997/UBNDT	
5	Chư Hreng	X		QĐ 42/1997/UBNDT	
6	Đăk BLà	X		QĐ 42/1997/UBNDT	
7	Đăk Cấm	X		QĐ 42/1997/UBNDT	
8	Vinh Quang	X		QĐ 42/1997/UBNDT	
9	Ngọc Bay	X		QĐ 42/1997/UBNDT	
10	Đăk Rơ Wa	X		QĐ 42/1997/UBNDT	
11	Đăk Năng	X		<i>Tách từ Ia Chim chưa được công nhận</i>	
II	Huyện Đăk Hà	8			
1	Đak Pxy	X		QĐ 42/1997/UBNDT	QĐ 164/2006/QĐ TTg
2	Ngọc Ráo	X		QĐ 42/1997/UBNDT	QĐ 164/2006/QĐ TTg
3	Ngọc Wang	X		QĐ 42/1997/UBNDT	
4	Đăk Hring	X		QĐ 42/1997/UBNDT	
5	Đăk Ui	X		QĐ 42/1997/UBNDT	
6	Đăk La	X		QĐ 42/1997/UBNDT	
7	Hà Mòn	X		QĐ 42/1997/UBNDT	
8	Đăk Mar			<i>Tách từ ĐăkHring và thị trấn chưa được công nhận</i>	
III	Huyện Đăk Tô	8			
1	Ngọc Tụ	X		QĐ 42/1997/UBNDT	QĐ 164/2006/QĐ TTg
2	Văn Lem	X		QĐ 42/1997/UBNDT	QĐ 164/2006/QĐ TTg
3	Pô Kô	X		QĐ 42/1997/UBNDT	QĐ 164/2006/QĐ TTg
4	Diên Bình	X		QĐ 42/1997/UBNDT	

5	Tân Cảnh	X		QĐ 42/1997/UBND	
6	Kon Đào	X		QĐ 42/1997/UBND	
7	Đắk Rơ Nga	X			QĐ 69/2008/QĐ TTg
8	Đắk Trăm	X			QĐ 69/2008/QĐ TTg
IV	Huyện Ngọc Hồi	7			
1	Đắk Ang	X		QĐ 42/1997/UBND	QĐ 164/2006/QĐ TTg
2	Sa Loong	X	X QĐ 160/2007/QĐ-TTg	QĐ 42/1997/UBND	QĐ 164/2006/QĐ TTg
3	Đắk Xú	X	X QĐ 160/2007/QĐ-TTg	QĐ 42/1997/UBND	QĐ 164/2006/QĐ TTg
4	Bờ Y	X	X QĐ 160/2007/QĐ-TTg	QĐ 42/1997/UBND	QĐ 113/2007/QĐ TTg
5	Đắk Dục	X	X QĐ 160/2007/QĐ-TTg	QĐ 363/2005/UBND	QĐ 164/2006/QĐ TTg
6	Đắk Nông	X	X QĐ 160/2007/QĐ-TTg	QĐ 363/2005/UBND	QĐ 164/2006/QĐ TTg
7	Đắk Kan	X		QĐ 363/2005/UBND	
V	Huyện Đắk Glei	11			
1	Ngọc Linh	X		QĐ 42/1997/UBND	QĐ 164/2006/QĐ TTg
2	Mường Hoang	X		QĐ 42/1997/UBND	QĐ 164/2006/QĐ TTg
3	Đắk Choong	X		QĐ 42/1997/UBND	QĐ 164/2006/QĐ TTg
4	Đắk Plô	X	X QĐ 160/2007/QĐ-TTg	QĐ 42/1997/UBND	QĐ 164/2006/QĐ TTg
5	Đắk Man	X		QĐ 42/1997/UBND	QĐ 164/2006/QĐ TTg
6	Đắk Nhoong	X	X QĐ 160/2007/QĐ-TTg	QĐ 42/1997/UBND	QĐ 164/2006/QĐ TTg
7	Đắk Kroong	X		QĐ 42/1997/UBND	QĐ 164/2006/QĐ TTg
8	Đắk Long	X	X QĐ 160/2007/QĐ-TTg	QĐ 42/1997/UBND	QĐ 113/2007/QĐ TTg
9	Đắk Pek	X		QĐ 42/1997/UBND	
10	Đắk Môn	X		QĐ 42/1997/UBND	
11	Xã Xốp	X		QĐ 363/2005/UBND	QĐ 164/2006/QĐ TTg
VI	Huyện Sa Thầy	10			
1	Ya Xiêr	X		QĐ 42/1997/UBND	QĐ 164/2006/QĐ TTg
2	Ya Ly	X		QĐ 42/1997/UBND	QĐ 164/2006/QĐ TTg
3	Ya Tăng	X		QĐ 363/2005/UBND	QĐ 164/2006/QĐ TTg
4	Rờ Koi	X	X QĐ 160/2007/QĐ-TTg	QĐ 42/1997/UBND	QĐ 164/2006/QĐ TTg
5	Mô Rây	X	X QĐ 160/2007/QĐ-TTg	QĐ 42/1997/UBND	QĐ 164/2006/QĐ TTg
6	Hơ Moong	X			QĐ 69/2008/QĐ TTg
7	Sa Bình	X		QĐ 42/1997/UBND	QĐ 164/2006/QĐ TTg
8	Sa Nghĩa	X		QĐ 42/1997/UBND	
9	Sa Sơn	X		QĐ 42/1997/UBND	
10	Sa Nhơn	X		QĐ 42/1997/UBND	
VII	Huyện Kon Rẫy	6			
1	Đắk Kôi	X		QĐ 42/1997/UBND	QĐ 164/2006/QĐ TTg

2	Đăk Pnê	X		QĐ 42/1997/UBNDT	QĐ 164/2006/QĐ TTg
3	Tân Lập	X		QĐ 42/1997/UBNDT	
4	Đăk Ruồng	X		QĐ 42/1997/UBNDT	
5	Đăk Tờ Re	X		QĐ 42/1997/UBNDT	
6	Đăk Tờ Lung	X		QĐ 363/2005/UBNDT	
IX	Huyện KonPlong	9			
1	Xã Hiếu	X		QĐ 42/1997/UBNDT	QĐ 164/2006/QĐ TTg
2	Pờ Ê	X		QĐ 42/1997/UBNDT	QĐ 164/2006/QĐ TTg
3	Măng Búk	X		QĐ 42/1997/UBNDT	QĐ 164/2006/QĐ TTg
4	Đăk Rìng	X		QĐ 42/1997/UBNDT	QĐ 164/2006/QĐ TTg
5	Ngọc Tem	X		QĐ 42/1997/UBNDT	QĐ 164/2006/QĐ TTg
6	Măng Cành	X		QĐ 42/1997/UBNDT	QĐ 164/2006/QĐ TTg
7	Đăk Long	X		QĐ 363/2005/UBNDT	QĐ 164/2006/QĐ TTg
8	Đăk Tằng	X		QĐ 363/2005/UBNDT	QĐ 164/2006/QĐ TTg
9	Đăk Nê	X		QĐ 363/2005/UBNDT	QĐ 164/2006/QĐ TTg
X	Huyện Tu Mơ Rông	11			
1	Tu Mơ Rông	X		QĐ 42/1997/UBNDT	QĐ 164/2006/QĐ TTg
2	Đăk Hà	X		QĐ 42/1997/UBNDT	QĐ 164/2006/QĐ TTg
3	Ngọc Yêu	X		QĐ 42/1997/UBNDT	QĐ 164/2006/QĐ TTg
4	Ngọc Lây	X		QĐ 42/1997/UBNDT	QĐ 164/2006/QĐ TTg
5	Đăk Sao	X		QĐ 42/1997/UBNDT	QĐ 164/2006/QĐ TTg
6	Đăk Na	X		QĐ 42/1997/UBNDT	QĐ 164/2006/QĐ TTg
7	Đăk Tờ Kan	X		QĐ 42/1997/UBNDT	QĐ 164/2006/QĐ TTg
8	Văn Xuôi	X		QĐ 363/2005/UBNDT	QĐ 164/2006/QĐ TTg
9	Tê Xăng	X		QĐ 363/2005/UBNDT	QĐ 164/2006/QĐ TTg
10	Măng Rì	X		QĐ 363/2005/UBNDT	QĐ 164/2006/QĐ TTg
11	Đăk Rơ Ông	X			QĐ 113/2007/QĐ TTg

Ghi chú: 6 thị trấn hiện nay đang được công nhận là xã vùng cao tại các quyết định số 42/1997/UBNDT; QĐ 68/1997/UBNDT của UB Dân tộc và miền núi, 3 phường của TP Kon Tum công nhận vùng cao là Nguyễn Trãi, Ngô Mây, Trần Hưng Đạo tại QĐ 363/2005/QĐ-UBNDT của UB Dân tộc. Tuy nhiên vì là phường và thị trấn nên không thuộc địa bàn được miễn học phí theo quy định tại Nghị định 49/NĐ-CP